

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ

NGÀNH: KINH TẾ QUỐC TẾ

CHUYÊN NGÀNH: KINH TẾ QUỐC TẾ

MÃ SỐ: 9310106.01

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2913 /QĐ-ĐHKT, ngày 30 tháng 10 năm 2018 của
Hiệu trưởng Trường Đại học kinh tế - ĐHQGHN)*

PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Một số thông tin về chuyên ngành đào tạo

- Tên chuyên ngành đào tạo:
 - Tiếng Việt: Kinh tế quốc tế
 - Tiếng Anh: International Economics
- Mã số chuyên ngành đào tạo: 9310106.01
- Tên ngành đào tạo:
 - Tiếng Việt: Kinh tế quốc tế
 - Tiếng Anh: International Economics
- Trình độ đào tạo: Tiến sĩ
- Tên văn bằng:
 - Tiếng Việt: Tiến sĩ ngành Kinh tế quốc tế
 - Tiếng Anh: The Degree of Doctor in International Economics
- Đơn vị đào tạo: Trường Đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội.

2. Mục tiêu đào tạo

2.1 Mục tiêu chung

- Đào tạo Tiến sĩ theo định hướng chuyên gia, lãnh đạo, có kiến thức chuyên sâu, có phương pháp tiếp cận mới đối với các vấn đề kinh tế quốc tế hiện đại; Am hiểu các lý thuyết trong lĩnh vực kinh tế quốc tế, xu hướng phát triển của nền kinh tế thế giới hiện đại, các chính sách về Thương mại quốc tế, Đầu tư quốc tế, Tài chính quốc tế, các thể chế kinh tế quốc tế trong nền kinh tế toàn cầu.

2.2. Mục tiêu cụ thể

- Nghiên cứu sinh có phương pháp tư duy khoa học, có khả năng phát hiện, phân tích, đánh giá các vấn đề về kinh tế quốc tế, quan hệ kinh tế quốc tế; đưa ra cách tiếp cận mới, cách lý giải mới.

- Vận dụng kiến thức chuyên sâu về kinh tế quốc tế hiện đại; các lý thuyết về thương mại quốc tế, đầu tư quốc tế, tài chính quốc tế để giải quyết các vấn đề nghiên cứu; Có khả năng viết và thuyết trình một cách chuyên nghiệp và khoa học các công trình nghiên cứu về kinh tế quốc tế.

- Kết thúc chương trình, nghiên cứu sinh có năng lực chuyên môn sâu và kỹ năng nghiên cứu độc lập; có thể tự triển khai các công trình nghiên cứu chuyên sâu, trong tương lai có thể trở thành các chuyên gia cao cấp trong việc nghiên cứu, phân tích, tư vấn, phản biện, hoạch định và thực thi chính sách trong lĩnh vực kinh tế quốc tế, hoặc trở thành giảng viên trình độ cao, giảng dạy chuyên sâu về lĩnh vực kinh tế quốc tế.

3. Thông tin tuyển sinh

3.1. Hình thức tuyển sinh

- *Đối tượng từ thạc sĩ*: Xét hồ sơ chuyên môn theo quy định của ĐHQGHN.

- *Đối tượng từ cử nhân*: kết hợp thi tuyển và xét hồ sơ chuyên môn:

- Môn thi Cơ bản: Đánh giá năng lực
- Môn thi Cơ sở: Kinh tế quốc tế
- Xét hồ sơ chuyên môn theo quy định của ĐHQGHN.

3.2. Đối tượng tuyển sinh

3.2.1. Về văn bằng

- Có bằng tốt nghiệp đại học chính quy ngành Kinh tế quốc tế từ loại giỏi trở lên hoặc bằng thạc sĩ ngành/chuyên ngành đúng, ngành/chuyên ngành phù hợp với ngành Kinh tế quốc tế

3.2.2. Điều kiện về công trình khoa học

- Trong thời hạn 36 tháng tính đến ngày đăng ký dự tuyển là tác giả hoặc đồng tác giả tối thiểu của 01 bài báo thuộc tạp chí khoa học chuyên ngành hoặc 01 báo cáo khoa học đăng tại kỷ yếu của các hội nghị, hội thảo khoa học quốc gia hoặc quốc tế có phản biện, có mã số xuất bản ISBN liên quan đến lĩnh vực hoặc đề tài nghiên cứu, được hội đồng chức danh giáo sư, phó giáo sư của ngành/liên ngành công nhận.

- Đối với những người đã có bằng thạc sĩ nhưng hoàn thành luận văn thạc sĩ với khối lượng học tập dưới 10 tín chỉ trong chương trình đào tạo thạc sĩ thì phải có tối thiểu 02 bài báo/báo cáo khoa học.

3.2.3. Điều kiện về thâm niên công tác

- Người dự thi vào chương trình đào tạo tiến sĩ Kinh tế quốc tế cần có ít nhất 02 năm làm việc chuyên môn trong lĩnh vực của chuyên ngành đăng ký dự thi (tính từ ngày ký quyết định công nhận tốt nghiệp đại học đến ngày đăng ký dự thi).

3.3. Điều kiện về năng lực ngoại ngữ

Người dự tuyển phải có một trong các văn bằng, chứng chỉ sau đây:

a. Bằng tốt nghiệp đại học hoặc bằng thạc sĩ do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp cho người học toàn thời gian ở nước ngoài mà ngôn ngữ sử dụng trong quá trình học tập là tiếng Anh;

b. Bằng tốt nghiệp đại học các ngành Ngôn ngữ Anh hoặc Sư phạm tiếng Anh do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;

c. Chứng chỉ ngoại ngữ theo Bảng tham chiếu dưới đây do một tổ chức khảo thí được quốc tế và Việt Nam công nhận trong thời hạn 24 tháng kể từ ngày thi lấy chứng chỉ tính đến ngày đăng ký dự tuyển.

STT	Chứng chỉ	Trình độ
1	TOEFL iBT	45-93
2	IELTS	5-6.5
3	Cambridge examination	CAE 45-59 PET Pass with Distinction

3.4. Danh mục chuyên ngành phù hợp/gần với chuyên ngành Kinh tế quốc tế

3.4.1. Văn bằng cử nhân

Ngành phù hợp: Không có

3.4.2. Văn bằng thạc sĩ

Ngành/Chuyên ngành phù hợp: Không có

Ngành/Chuyên ngành gần:

Mã số	Ngành/Chuyên ngành	Ghi chú
8340401	Khoa học quản lý	
8340402	Chính sách công	
8340403	Quản lý công	
8340404	Quản trị nhân lực	
8340405	Hệ thống thông tin quản lý	

Mã số	Ngành/Chuyên ngành	Ghi chú
8340406	Quản trị văn phòng	
8340412	Quản lý khoa học và công nghệ	
8310101	Kinh tế học	
8310102	Kinh tế chính trị	
8310104	Kinh tế đầu tư	
8310105	Kinh tế phát triển	
8340410	Quản lý kinh tế	
8310107	Thống kê kinh tế	
8310108	Toán kinh tế	
8340101	Quản trị kinh doanh	
8340121	Kinh doanh thương mại	
8340201	Tài chính - Ngân hàng	
8340204	Bảo hiểm	
8340301	Kế toán	
Chuyên ngành thí điểm	Chính sách công và phát triển	
Chuyên ngành thí điểm	Quản trị các tổ chức tài chính	
Chuyên ngành thí điểm	Quản trị công nghệ và phát triển doanh nghiệp	

3.5. Dự kiến quy mô tuyển sinh: 5 - 7 NCS/ năm

PHẦN II: CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Yêu cầu về chất lượng luận án

- Luận án phải là một công trình nghiên cứu khoa học độc lập, chuyên sâu của chính nghiên cứu sinh, có đóng góp về mặt lý luận và thực tiễn trong lĩnh vực kinh tế quốc tế hoặc giải pháp mới có giá trị trong việc phát triển, gia tăng tri thức khoa học của lĩnh vực kinh tế quốc tế, giải quyết sáng tạo các vấn đề trong lĩnh vực kinh tế quốc tế cũng như thực tiễn kinh tế - xã hội của đất nước.

- Công bố tối thiểu (trong thời gian làm nghiên cứu sinh) 02 bài báo về kết quả nghiên cứu của luận án trên tạp chí khoa học chuyên ngành, trong đó tối thiểu có 01 bài đăng trên tạp chí khoa học thuộc danh mục các tạp chí ISI/Scopus hoặc 02 báo cáo trong kỉ yếu hội thảo quốc tế có uy tín xuất bản bằng tiếng nước ngoài có phản biện, có mã số ISBN; hoặc 02 bài báo đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành có uy tín của nước ngoài.

2. Yêu cầu về kiến thức chuyên môn

2.1. Kiến thức chung

- NCS có thể giới quan, phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử; sử dụng thành thạo các phương pháp nghiên cứu định tính và định lượng để giải thích, phân tích, đánh giá các hiện tượng và quá trình kinh tế.

2.2. Kiến thức chuyên ngành

- Khối kiến thức chuyên ngành gồm những học phần chuyên sâu của chuyên ngành kinh tế quốc tế, giúp NCS:

- Có kiến thức thực tế và lý thuyết tiên tiến, chuyên sâu trong lĩnh vực kinh tế và kinh doanh quốc tế như thương mại quốc tế, đầu tư quốc tế, tài chính quốc tế để vận dụng trong việc thực hiện nghiên cứu các nội dung của Luận án.

- Tổng hợp, phân tích và luận giải các chính sách thương mại quốc tế, đầu tư quốc tế, tài chính quốc tế của các quốc gia trên thế giới cũng như phân tích, luận giải các vấn đề kinh tế thế giới và quan hệ kinh tế quốc tế một cách khoa học.

2.3. Kiến thức học phần tiến sĩ và các chuyên đề tiến sĩ

- Có kiến thức chuyên sâu về thương mại quốc tế, đầu tư quốc tế, tài chính quốc tế, để phân tích và luận giải một cách khoa học các vấn đề lý thuyết cũng như thực tiễn trong lĩnh vực kinh tế quốc tế.

- Vận dụng các kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành kinh tế quốc tế để thực hiện các chuyên đề tiến sĩ, gắn với chủ đề nghiên cứu của luận án.

3. Yêu cầu về năng lực nghiên cứu

- NCS có khả năng nghiên cứu độc lập, có năng lực tổ chức và triển khai các đề tài dự án nghiên cứu trong nước và quốc tế;

- Sử dụng thành thạo các phương pháp nghiên cứu định tính, định lượng cũng như các công cụ để nghiên cứu chuyên sâu về các vấn đề kinh tế quốc tế, đưa ra các giải pháp và kiến nghị.

- Nghiên cứu, phát hiện những vấn đề mới trong lĩnh vực kinh tế quốc tế. Khai thác, mở rộng và phát triển các lý thuyết trong lĩnh vực kinh tế quốc tế và vận dụng vào giải quyết các vấn đề của kinh tế quốc tế.

- Kết thúc chương trình, NCS. có thể tự triển khai và hoàn thành các công trình nghiên cứu chuyên sâu như: Đề tài nghiên cứu khoa học từ cấp Bộ, Ngành hoặc tương đương trở lên; Sách chuyên khảo, Sách Tham khảo, Giáo trình, Các bài báo đăng trên tạp chí trong nước và quốc tế có uy tín; Tham gia các nghị, hội thảo khoa học quốc tế.

4. Yêu cầu về kỹ năng

4.1. Kỹ năng nghề nghiệp

- Kỹ năng tổng hợp, phân tích thông tin, phát hiện và giải quyết vấn đề một cách sáng tạo; phân tích, đánh giá, dự báo, phân biện và tư vấn giải pháp cho các vấn đề kinh tế quốc tế dựa trên những kiến thức chuyên sâu về kinh tế quốc tế.

- Tự nghiên cứu, tìm ra cách tiếp cận mới, tương quan mới, phân tích lý giải mới đối với các vấn đề lý thuyết và thực tiễn trong lĩnh vực kinh tế quốc tế.

- Tư duy hệ thống, phương pháp nghiên cứu liên ngành, có cách tiếp cận riêng biệt từ góc nhìn của kinh tế quốc tế hiện đại.

- Có kỹ năng tư duy, nghiên cứu độc lập, độc đáo, sáng tạo tri thức mới, tìm ra cách thức mới hay vận dụng các kiến thức, các kỹ năng vào nhận diện và đề xuất các giải pháp giải quyết các vấn đề kinh tế quốc tế hiện đại.

- Có kỹ năng truyền bá, phổ biến tri thức, thiết lập mạng lưới hợp tác quốc gia và quốc tế trong quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn;

- Thể hiện năng lực sáng tạo, có khả năng tự định hướng và dẫn dắt chuyên môn, khả năng đưa ra các kết luận, khuyến cáo khoa học mang tính chuyên gia.

- Viết hoặc thuyết trình một cách chuyên nghiệp và khoa học các công trình nghiên cứu chuyên sâu về kinh tế quốc tế.

4.2. Kỹ năng hỗ trợ

- Có kỹ năng nghiên cứu độc lập, tổ chức và quản lý hoạt động nghiên cứu.

- Có kỹ năng viết và thuyết trình, luận giải các nghiên cứu trong lĩnh vực kinh tế quốc tế một cách chuyên nghiệp.

- Biết phác thảo mô hình, phân tích định lượng dựa trên các phần mềm như SPSS, Eviews hoặc STATA...

5. Yêu cầu về phẩm chất

5.1. Trách nhiệm công dân

- Có trách nhiệm trong phát triển cộng đồng;

- Có ý thức trong việc tuyên truyền cũng như tham gia góp ý đối với chính sách kinh tế đối ngoại.

5.2. Trách nhiệm, đạo đức, ý thức tác phong nghề nghiệp, thái độ phục vụ

- Tuân thủ pháp luật, gương mẫu chấp hành nghiêm chỉnh quy chế làm việc trong tổ chức, làm việc với tinh thần kỷ luật cao, có lối sống tích cực và có tinh thần hướng về cộng đồng và vì cộng đồng.

- Trung thực trong nghiên cứu, có trách nhiệm với các kết quả và sản phẩm nghiên cứu.

- Có hành vi và lời nói chuẩn mực; có quan điểm kiên định, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, đương đầu với rủi ro, có tinh thần tự tôn, linh hoạt và sáng tạo.

- Đam mê nghiên cứu, khám phá kiến thức và có trách nhiệm trong công việc, thích ứng với môi trường kinh tế quốc tế thường xuyên biến động.

- Trách nhiệm và thái độ phục vụ: công tâm, khách quan, chuyên nghiệp, tôn trọng chữ tín và có tinh thần trách nhiệm. Luôn có ý thức cầu thị học hỏi nâng cao kiến thức và trình độ chuyên môn.

6. Vị trí làm việc của nghiên cứu sinh sau khi tốt nghiệp

Nhóm 1 – Lãnh đạo hoặc chuyên gia hoạch định, phân tích, tư vấn chính sách: Có đủ năng lực chuyên môn, kỹ năng và khả năng tư duy độc lập để làm việc với tư cách là lãnh đạo các tổ chức hoạt động trong lĩnh vực kinh tế quốc tế ở trong nước và ở nước ngoài, hoặc trở thành các chuyên gia có trình độ cao trong hoạch định, phân tích và tư vấn chính sách về các vấn đề liên quan đến thương mại quốc tế;

tài chính quốc tế; đầu tư trực tiếp và gián tiếp nước ngoài, tại các Bộ, Ban, Ngành, địa phương, cơ quan quản lý của chính phủ cũng như các tổ chức quốc tế như UN, ADB, IMF, WB, iNGOs...

Nhóm 2 - Nghiên cứu viên và giảng viên trình độ cao: Có năng lực nghiên cứu và giảng dạy chuyên sâu tại các cơ sở nghiên cứu, cơ sở giáo dục đại học khối ngành kinh tế trong và ngoài nước; có thể trở thành nghiên cứu viên, giảng viên cao cấp trong lĩnh vực kinh tế quốc tế.

7. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

Sau khi hoàn thành Luận án tiến sĩ, NCS. có thể tiếp tục học tập và nghiên cứu sau tiến sĩ trong lĩnh vực kinh tế quốc tế .

8. Các chương trình, tài liệu của các cơ sở đào tạo tiến sĩ có uy tín của quốc tế mà đơn vị đào tạo tham khảo

TT	Tên nước	Cơ sở đào tạo	Mục tiêu đào tạo	Danh hiệu tốt nghiệp	Địa chỉ trang web
1.	Hoa Kỳ	Đại học John Hopkins	Đào tạo nghiên cứu sinh trở thành những người thành đạt ở cả khu vực công và tư thông qua việc cung cấp lý thuyết và công cụ phân tích về thương mại và tài chính trong khuôn khổ phát triển của nền kinh tế toàn cầu	Tiến sĩ Kinh tế chuyên sâu về Kinh tế Quốc tế	http://www.sais-jhu.edu/academics/economics/index.htm
2.	Hoa Kỳ	Đại học BRANDIES	Đào tạo các nhà nghiên cứu, tư vấn, giảng dạy và hoạch định chính sách thông qua cung cấp các lý thuyết, công cụ phân tích hiện đại. Nghiên cứu sinh khi học tập được hướng đến khả năng ứng dụng cao vào các vấn đề thời sự.	Tiến sĩ Kinh tế và Tài chính Quốc tế	http://www.brandeis.edu/global/prospective/ibs_programs/programs/phd.html
3.	Thụy Sĩ	Học viện Sau đại học Geneve	Đào tạo những tiến sĩ có khả năng làm việc cho các tổ chức quốc tế như Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF), Ngân hàng Thế giới (WB), Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), các trường đại học uy tín trên thế giới và các Ngân hàng Trung Ương. Rất nhiều Tiến sĩ tốt nghiệp của trường đang nắm những vị trí quan trọng tại các tổ chức này.	Tiến sĩ Kinh tế, chuyên sâu về Kinh tế quốc tế	http://graduateinstitute.ch/economics/economics/PhD.html

PHẦN III: NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo

1.1. Đối với nghiên cứu sinh chưa có bằng thạc sĩ

Người học phải hoàn thành các môn học của chương trình đào tạo thạc sĩ và các nội dung của chương trình đào tạo tiến sĩ.

Tổng số tín chỉ phải tích lũy: **141 tín chỉ**, trong đó:

- Phần 1: Các học phần bổ sung: **51 tín chỉ**

+ *Khối kiến thức chung (bắt buộc):* 4 tín chỉ

+ *Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành:* 47 tín chỉ.

- Phần 2: Các học phần, chuyên đề NCS và tiểu luận tổng quan: **20 tín chỉ**

+ Các học phần NCS: 12 tín chỉ

• *Học phần bắt buộc:* 6 tín chỉ

• *Học phần tự chọn:* 6 tín chỉ

+ Chuyên đề NCS: 6 tín chỉ

+ Tiểu luận tổng quan: 2 tín chỉ

- Phần 3: Nghiên cứu khoa học:

+ Chủ trì hoặc tham gia nghiên cứu các đề tài, dự án

+ Công bố các kết quả nghiên cứu trên các tạp chí chuyên ngành trong nước hoặc quốc tế.

+ Viết báo cáo tại các hội nghị, hội thảo khoa học trong nước và quốc tế.

- Phần 4: Tham gia sinh hoạt chuyên môn, công tác trợ giảng và hỗ trợ đào tạo

+ Tham gia sinh hoạt học thuật tại bộ môn.

+ Trợ giảng chuyên môn

+ Hướng dẫn sinh viên NCKH, hướng dẫn khóa luận tốt nghiệp

+ Tham gia các sinh hoạt chuyên môn khác.

- Phần 5: Luận án tiến sĩ: 70 tín chỉ

1.2. Đối với nghiên cứu sinh có bằng thạc sĩ chuyên ngành gần

Tổng số tín chỉ phải tích lũy: **99 tín chỉ**, trong đó:

- Phần 1: Các học phần bổ sung: 9 tín chỉ

+ *Bắt buộc:* 6 tín chỉ

+ *Tự chọn:* 3 tín chỉ.

- Phần 2: Các học phần, chuyên đề NCS và tiểu luận tổng quan: 20 tín chỉ

- + Các học phần NCS: 12 tín chỉ
 - *Học phần bắt buộc: 6 tín chỉ*
 - *Học phần tự chọn: 6 tín chỉ*
- + Chuyên đề NCS: 6 tín chỉ
- + Tiểu luận tổng quan: 2 tín chỉ
- Phần 3: Nghiên cứu khoa học:
 - + Chủ trì hoặc tham gia nghiên cứu các đề tài, dự án
 - + Công bố các kết quả nghiên cứu trên các tạp chí chuyên ngành trong nước hoặc quốc tế có uy tín.
 - + Viết báo cáo tại các hội nghị, hội thảo khoa học trong nước và quốc tế.
- Phần 4: Tham gia sinh hoạt chuyên môn, công tác trợ giảng và hỗ trợ đào tạo:
 - + Tham gia sinh hoạt học thuật tại bộ môn.
 - + Trợ giảng chuyên môn
 - + Hướng dẫn sinh viên NCKH, hướng dẫn khóa luận tốt nghiệp
 - + Tham gia các sinh hoạt chuyên môn khác.
- Phần 5: Luận án tiến sĩ: 70 tín chỉ

1.3. Đối với nghiên cứu sinh có bằng thạc sĩ chuyên ngành đúng hoặc phù hợp

Tổng số tín chỉ phải tích lũy: **90 tín chỉ**, trong đó:

- Phần 1: Các học phần, chuyên đề NCS và tiểu luận tổng quan: 20 tín chỉ
 - + Các học phần NCS: 12 tín chỉ
 - *Học phần bắt buộc: 6 tín chỉ*
 - *Học phần tự chọn: 6 tín chỉ*
 - + Chuyên đề NCS: 6 tín chỉ
 - + Tiểu luận tổng quan: 2 tín chỉ
- Phần 2: Nghiên cứu khoa học:
 - + Chủ trì hoặc tham gia nghiên cứu các đề tài, dự án
 - + Công bố các kết quả nghiên cứu trên các tạp chí chuyên ngành trong nước hoặc quốc tế.
- Phần 3: Tham gia sinh hoạt chuyên môn, công tác trợ giảng và hỗ trợ đào tạo:
 - + Tham gia sinh hoạt học thuật tại bộ môn.
 - + Trợ giảng chuyên môn
 - + Hướng dẫn sinh viên NCKH, hướng dẫn khóa luận tốt nghiệp

- + Tham gia các sinh hoạt chuyên môn khác.
 - + Viết báo cáo tại các hội nghị, hội thảo khoa học trong nước và quốc tế.
- Phần 4: Luận án tiến sĩ: 70 tín chỉ

2. Khung chương trình

2.1. Khung chương trình dành cho NCS chưa có bằng thạc sĩ

TT	Mã số	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
PHẦN 1. CÁC HỌC PHẦN BỔ SUNG							
I	Khối kiến thức chung		4				
1.	PHI 5002	Triết học <i>Philosophy</i>	4	60	0	0	
II	Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành		47				
II.1	Các học phần bắt buộc		26				
2.	INE 6001	Thiết kế nghiên cứu luận văn <i>Study design for thesis</i>	2	20	10	0	
3.	INE 6005	Lý thuyết Kinh tế vi mô <i>Microeconomics Theory</i>	2	20	10	0	
4.	INE 6003	Lý thuyết Kinh tế vĩ mô <i>Macroeconomics Theory</i>	2	20	10	0	
5.	INE 6006	Thương mại quốc tế <i>International Trade</i>	3	30	15	0	
6.	BSA 6022	Quản trị tài chính quốc tế <i>International Finance Management</i>	3	30	15	0	
7.	INE 6019	Đầu tư quốc tế: Chính sách và thực tiễn <i>International Investment: Policies and Practices</i>	3	30	15	0	
8.	INE 6020	Kinh doanh quốc tế: Thách thức trong bối cảnh cạnh tranh toàn cầu <i>International Business: Challenges of the Global Competition</i>	3	30	15	0	
9.	INE 6134	Chuỗi cung ứng: Lý thuyết và ứng dụng <i>Supply chain: Theory and Applications</i>	3	30	15	0	
10.	INE 6135	Thương mại điện tử: Lý thuyết và ứng dụng <i>E-Commerce: Theory and Applications</i>	3	30	15	0	
11.	INE 6011	Công ty xuyên quốc gia: Chuyển giao công nghệ và phát triển <i>Transnation Corporation: Technology transfer and Development</i>	2	20	10	0	
II.2	Các học phần tự chọn		21/45				
12.	PEC 6103	Công nghiệp hóa ở các nước đang phát triển <i>Industrialization in Developing Countries</i>	3	30	15	0	

TT	Mã số	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
13.	PEC 6109	Nghèo đói, bất bình đẳng và chính phủ ở các nước kém phát triển <i>Poverty, inequality and governments in less developed countries</i>	3	30	15	0	
14.	INE 6028	Toàn cầu hóa và hội nhập Kinh tế quốc tế của Việt Nam <i>Globalisation and International Economic intergration of Vietnam</i>	3	30	15	0	
15.	INE 6104	Kinh tế thế giới hiện đại <i>The Contemporary World Economy</i>	3	30	15	0	
16.	BSA 6008	Các thị trường và định chế tài chính <i>Financial institutions and markets</i>	3	30	15	0	
17.	INE 6025	Tài chính công <i>Public Finance</i>	3	30	15	0	
18.	INE 6110	Quản lý dự án quốc tế <i>International Project Management</i>	3	30	15	0	
19.	INE 6014	Nợ nước ngoài của các nước đang phát triển <i>Foreign Debt of Developing Countries.</i>	3	30	15	0	
20.	PEC 6125	Nhà nước thị trường và quản trị quốc tế <i>Statemarket and international management</i>	3	30	15	0	
21.	INE 6136	Kinh tế Đông Á <i>Easst Asian Economy</i>	3	30	15	0	
22.	INE 6007	Tài chính và tiền tệ quốc tế <i>Finance and International Monetary</i>	3	30	15	0	
23.	INE 6032	Hệ thống thông tin quản lý (MIS) <i>Management in formation systeme</i>	3	30	15	0	
24.	INE 6038	Đàm phán trong kinh doanh quốc tế: Lý thuyết và thực tiễn <i>Negotiating in International Business: Theory and Practice</i>	3	30	15	0	
25.	INE 6039	Quản trị rủi ro trong kinh doanh quốc tế <i>Risk management in international business</i>	3	30	15	0	
26.	FIB 6032	Ngân hàng quốc tế nâng cao <i>Advanced International Bank</i>	3	30	15	0	
PHẦN 2: CÁC HỌC PHẦN, CHUYÊN ĐỀ TIỀN SĨ VÀ TIỂU LUẬN TỔNG QUAN							
I. Các học phần			12				
I.1 Bắt buộc			6				

TT	Mã số	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
27.	INE 8001	Phương pháp nghiên cứu định lượng <i>Quantitative research methods</i>	2	20	10	0	
28.	INE 8002	Lý thuyết thương mại quốc tế <i>International trade theories</i>	2	20	10	0	
29.	INE 8003	Lý thuyết đầu tư quốc tế <i>International Investment theories</i>	2	20	10	0	
I.2 Tự chọn			6/9				
30.	INE 8011	Các Hiệp định thương mại tự do <i>Free Trade Agreements</i>	3	30	15	0	
31.	INE 8012	Lý thuyết và chính sách tài chính tiền tệ quốc tế <i>Theories and Policies of International Finance and Monetary</i>	3	30	15	0	
32.	INE 8013	Kinh doanh quốc tế trong một thế giới đang thay đổi <i>International Business in the world of change</i>	3	30	15	0	
II. Chuyên đề NCS			6				
33.	INE 8103	Chuyên đề 1	2	0	0	30	
34.	INE 8004	Chuyên đề 2	2	0	0	30	
35.	INE 8005	Chuyên đề 3	2	0	0	30	
III. Tiểu luận tổng quan			2				
PHẦN 3. NGHIÊN CỨU KHOA HỌC							
<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo NCKH tại các seminar cấp Bộ môn/Khoa; - Tham gia tối thiểu 02 hội thảo khoa học trong nước và quốc tế; - Công bố sản phẩm NCKH: (i) 02 bài báo đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành trong đó tối thiểu có 01 bài đăng trên tạp chí khoa học thuộc danh mục các tạp chí ISI/Scopus; hoặc (ii) 02 báo cáo trong kỉ yếu hội thảo quốc tế có uy tín xuất bản bằng tiếng nước ngoài có phản biện, có mã số ISBN; hoặc (iii) 02 bài báo đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành có uy tín của nước ngoài. 							
PHẦN 4. THAM GIA SINH HOẠT CHUYÊN MÔN, CÔNG TÁC TRỢ GIẢNG VÀ HỖ TRỢ ĐÀO TẠO							
<ul style="list-style-type: none"> - Tham gia đầy đủ các seminar khoa học, hội nghị, hội thảo do đơn vị chuyên môn tổ chức, quy định; - Trợ giảng bậc đại học/thạc sĩ hoặc hướng dẫn sinh viên, học viên thực hành, thực tập; Hướng dẫn 02 khóa luận tốt nghiệp đại học hoặc tham gia giảng dạy, trợ giảng các khóa đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn do đơn vị tổ chức. 							
PHẦN 5. LUẬN ÁN TIẾN SĨ							
36.		Luận án tiến sĩ	70				
Tổng cộng			141				

2.2. Khung chương trình dành cho NCS có bằng thạc sĩ ngành gần

TT	Mã số	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
PHẦN 1. CÁC HỌC PHẦN BỔ SUNG							
I.1	Bắt buộc		6				
1.	INE 6007	Tài chính và tiền tệ quốc tế <i>International Finance and Monetary</i>	3	30	15	0	
2.	INE 6020	Kinh doanh quốc tế: Thách thức trong bối cảnh cạnh tranh toàn cầu <i>International Business: Challenges of the Global Competition</i>	3	30	15	0	
I.2	Tự chọn		3/9				
3.	INE 6028	Toàn cầu hóa và hội nhập Kinh tế quốc tế của Việt Nam <i>Globalisation and International Economic intergration of Vietnam</i>	3	30	15	0	
4.	INE 6014	Nợ nước ngoài của các nước đang phát triển <i>Foreign Debt of Developing Countries.</i>	3	30	15	0	
5.	INE 6136	Kinh tế Đông Á <i>Easst Asian Economy</i>	3	30	15	0	
PHẦN 2: CÁC HỌC PHẦN, CHUYÊN ĐỀ TIẾN SĨ VÀ TIỂU LUẬN TỔNG QUAN							
I.	Các học phần NCS		12				
I.1	Bắt buộc		6				
6.	INE 8001	Phương pháp nghiên cứu định lượng <i>Quantitative research methods</i>	2	20	10	0	
7.	INE 8002	Lý thuyết thương mại quốc tế <i>International trade theories</i>	2	20	10	0	
8.	INE 8003	Lý thuyết đầu tư quốc tế <i>International Investment theories</i>	2	20	10	0	
I.2	Tự chọn		6/9				
9.	INE 8011	Các Hiệp định thương mại tự do <i>Free Trade Agreements</i>	3	30	15	0	
10.	INE 8012	Lý thuyết và chính sách tài chính tiền tệ quốc tế <i>Theories and Policies of International Finance and Monetary</i>	3	30	15	0	
11.	INE 8013	Kinh doanh quốc tế trong một thế giới đang thay đổi <i>International Business in the world of change</i>	3	30	15	0	
II.	Chuyên đề NCS		6				

TT	Mã số	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
12.	INE 8103	Chuyên đề 1	2	0	0	30	
13.	INE 8004	Chuyên đề 2	2	0	0	30	
14.	INE 8005	Chuyên đề 3	2	0	0	30	
III. Tiểu luận tổng quan			2				
PHẦN 3. NGHIÊN CỨU KHOA HỌC							
<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo NCKH tại các seminar cấp Bộ môn/Khoa; - Tham gia tối thiểu 02 hội thảo khoa học trong nước và quốc tế; - Công bố sản phẩm NCKH: (i) 02 bài báo đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành trong đó tối thiểu có 01 bài đăng trên tạp chí khoa học thuộc danh mục các tạp chí ISI/Scopus; hoặc (ii) 02 báo cáo trong kỉ yếu hội thảo quốc tế có uy tín xuất bản bằng tiếng nước ngoài có phản biện, có mã số ISBN; hoặc (iii) 02 bài báo đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành có uy tín của nước ngoài. 							
PHẦN 4. THAM GIA SINH HOẠT CHUYÊN MÔN, CÔNG TÁC TRỢ GIẢNG VÀ HỖ TRỢ ĐÀO TẠO							
<ul style="list-style-type: none"> - Tham gia đầy đủ các seminar khoa học, hội nghị, hội thảo do đơn vị chuyên môn tổ chức, quy định; - Trợ giảng bậc đại học/thạc sĩ hoặc hướng dẫn sinh viên, học viên thực hành, thực tập; Hướng dẫn 02 khóa luận tốt nghiệp đại học hoặc tham gia giảng dạy, trợ giảng các khóa đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn do đơn vị tổ chức. 							
PHẦN 5. LUẬN ÁN TIẾN SĨ							
15.		Luận án tiến sĩ	70				
Tổng cộng			99				

2.3. Khung chương trình dành cho NCS có bằng thạc sĩ ngành đúng hoặc phù hợp

TT	Mã số	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
PHẦN 1: CÁC HỌC PHẦN, CHUYÊN ĐỀ TIẾN SĨ VÀ TIỂU LUẬN TỔNG QUAN							
I. Các học phần NCS			12				
I.1 Bắt buộc			6				
1.	INE 8001	Phương pháp nghiên cứu định lượng <i>Quantitative research methods</i>	2	20	10	0	
2.	INE 8002	Lý thuyết thương mại quốc tế <i>International trade theories</i>	2	20	10	0	
3.	INE 8003	Lý thuyết đầu tư quốc tế <i>International Investment theories</i>	2	20	10	0	
I.2 Tự chọn			6/9				
4.	INE 8011	Các Hiệp định thương mại tự do <i>Free Trade Agreements</i>	3	30	15	0	
5.	INE 8012	Lý thuyết và chính sách tài chính tiền tệ quốc tế <i>Theories and Policies of International Finance and Monetary</i>	3	30	15	0	
6.	INE 8013	Kinh doanh quốc tế trong một thế giới đang thay đổi <i>International Business in the world of change</i>	3	30	15	0	
II. Chuyên đề NCS			6				
7.	INE 8103	Chuyên đề 1	2	0	0	30	
8.	INE 8004	Chuyên đề 2	2	0	0	30	
9.	INE 8005	Chuyên đề 3	2	0	0	30	
III. Tiểu luận tổng quan			2				
PHẦN 2. NGHIÊN CỨU KHOA HỌC							
<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo NCKH tại các seminar cấp Bộ môn/Khoa; - Tham gia tối thiểu 02 hội thảo khoa học trong nước và quốc tế; - Công bố sản phẩm NCKH: (i) 02 bài báo đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành trong đó tối thiểu có 01 bài đăng trên tạp chí khoa học thuộc danh mục các tạp chí ISI/Scopus; hoặc (ii) 02 báo cáo trong ki yếu hội thảo quốc tế có uy tín xuất bản bằng tiếng nước ngoài có phản biện, có mã số ISBN; hoặc (iii) 02 bài báo đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành có uy tín của nước ngoài. 							
PHẦN 3. THAM GIA SINH HOẠT CHUYÊN MÔN, CÔNG TÁC TRỢ GIẢNG VÀ HỖ TRỢ ĐÀO TẠO							

TT	Mã số	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
<ul style="list-style-type: none"> - Tham gia đầy đủ các seminar khoa học, hội nghị, hội thảo do đơn vị chuyên môn tổ chức, quy định; - Trợ giảng bậc đại học/thạc sĩ hoặc hướng dẫn sinh viên, học viên thực hành, thực tập; Hướng dẫn 02 khóa luận tốt nghiệp đại học hoặc tham gia giảng dạy, trợ giảng các khóa đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn do đơn vị tổ chức. 							
PHẦN 4. LUẬN ÁN TIẾN SĨ							
10.		Luận án tiến sĩ	70				
Tổng cộng			90				